

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG KEO GỖ LỚN QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH TẠI HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Vũ Thị Thùy Trang¹*, Nguyễn Duy Phong¹, Hoàng Phước Thôi¹,
Lê Thị Thu Hà¹, Lê Thị Phương Thảo¹, Trần Nam Thắng¹

TÓM TẮT

Chuyển hóa rừng sản xuất gỗ nhỏ ngắn ngày sang phát triển rừng keo gỗ lớn đang là hướng đi của nhiều địa phương trong đó có huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra các tiềm năng chính để phát triển trồng rừng keo gỗ lớn bao gồm: (1) yếu tố về tự nhiên (diện tích, độ dốc, khoảng cách tiếp cận); (2) yếu tố về con người (trình độ học vấn, kỹ thuật trồng rừng, lợi ích trồng rừng, hiểu biết thị trường, các kênh cung cấp thông tin cho người dân); (3) yếu tố về tài chính (thu nhập của hộ gia đình, các loại thu nhập chính của hộ). Trên cơ sở phân tích các tiềm năng, nghiên cứu đề ra một số giải pháp chính nhằm hỗ trợ phát triển trồng rừng keo gỗ lớn bao gồm: Quy hoạch vùng trồng keo gỗ lớn phù hợp với điều kiện tự nhiên, tăng cường hoạt động khuyến lâm, hỗ trợ tìm nguồn vốn sản xuất, đa dạng loại hình sinh kế đặc biệt từ nghề truyền thống của địa phương, hỗ trợ thị trường.

Từ khóa: Rừng sản xuất, rừng trồng gỗ lớn, chuyển hóa rừng, A Lưới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam hiện có 3.852.380 ha rừng trồng sản xuất chiếm 26,13% diện tích rừng toàn quốc [1]. Theo chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, Việt Nam định hướng phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn [2]. Việt Nam là một thị trường có nhu cầu về gỗ rất lớn, nhưng để đáp ứng cho yêu cầu phát triển công nghiệp chế biến gỗ theo quy hoạch, Việt Nam vẫn phải tiếp tục nhập khẩu nguyên liệu gỗ, nhưng với tỷ lệ giảm dần, đến năm 2030 nhập khẩu 25% gỗ nguyên liệu... [3]. Một trong những nguyên nhân chính là do chu kỳ khai thác rừng trồng gỗ keo phổ biến từ 3 - 7 năm, với chu kỳ này thì cây keo chưa đạt được kích thước gỗ xẻ mang lại tỷ lệ lợi dụng tối ưu nhất. Cho nên mục đích sử dụng gỗ keo chủ yếu là sản xuất các loại dăm gỗ, viên nén năng lượng. Vì vậy, tỷ lệ

rừng keo gỗ lớn trên 7 năm tuổi còn rất hạn chế trong hơn 2,2 triệu ha diện tích rừng keo tương đương 60% tổng diện tích 3,69 triệu ha rừng trồng sản xuất của cả nước [4].

Tổng diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn ở Việt Nam tính đến năm 2020 chỉ có 489.016 ha rừng trồng sản xuất gỗ lớn [5]. Khi phân tích lợi ích chi phí (CBA) Hien và cs (2019) [6] cho rằng việc trồng rừng gỗ lớn mang lại nhiều lợi ích hơn cho chủ rừng so với trồng rừng gỗ nhỏ. Ngoài ra, việc trồng rừng gỗ lớn góp phần vào việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu các ảnh hưởng do tác động của biến đổi khí hậu mang lại.

A Lưới là một huyện miền núi của tỉnh Thừa Thiên Huế, với dân số chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 là 26,17 triệu/người/năm [7]. Diện tích đất rừng lâm nghiệp có rừng là 102.495,89 ha chiếm 89,24% diện tích đất toàn huyện A Lưới [7]. Theo kế hoạch của tỉnh Thừa

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
* Email: vuthithuytrang@huaf.edu.vn

Thiên Huế, huyện A Lưới sẽ chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn giai đoạn 2021-2025 với diện tích là 750 ha [8]. Chính vì vậy, việc phân tích và đánh giá tiềm năng phát triển mô hình trồng rừng keo gỗ lớn tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế là rất cần thiết nhằm góp phần đưa ra giải pháp phát triển rừng trồng keo gỗ lớn quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện A Lưới nói riêng cũng như các huyện miền núi nói chung.

2. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Kết quả phân chia khu vực có mức độ phát triển kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng khác nhau trên địa bàn huyện A Lưới

TT	Khu vực	Đặc điểm	Xã, thị trấn
1	Mức 1 - cao	Phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, trình độ nhận thức, thu nhập của người dân cao	A Lưới, A Ngo, Sơn Thủy, Hồng Thượng, Quảng Nhâm
2	Mức 2 - trung bình	Phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, trình độ nhận thức, thu nhập của người dân trung bình	Trung Sơn, Hồng Bắc, Hồng Hạ, Hồng Kim, Hồng Thái, Lâm Đót
3	Mức 3 - thấp	Phát triển kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng, trình độ nhận thức, thu nhập của người dân thấp	Hương Phong, Phú Vinh, Hương Nguyên, A Roàng, Đông Sơn, Hồng Thủy, Hồng Văn

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thu thập số liệu

2.2.1.1. Thu thập số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập từ các tài liệu, báo cáo liên quan đến thực trạng, chiến lược phát triển rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn huyện A Lưới tại các cơ quan như: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội Chủ rừng tỉnh Thừa Thiên Huế, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thừa Thiên Huế, Hạt Kiểm lâm huyện A Lưới.

2.2.1.2. Thu thập số liệu sơ cấp

- Thảo luận nhóm: Được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định trồng rừng keo gỗ lớn của các hộ gia đình. 6 cuộc thảo luận nhóm cho 3 xã, mỗi xã 2 nhóm thảo luận. Đối tượng tham gia thảo luận là các hộ trồng keo điển hình trong khu vực nghiên cứu, các trưởng thôn và các cán bộ khuyến nông, khuyến

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Dựa vào kết quả thảo luận nhóm, tham vấn cán bộ địa phương và phân tích các số liệu về kinh tế - xã hội, đã thống nhất chia 18 xã, thị trấn ở huyện A Lưới thành 3 khu vực có mức độ phát triển kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng theo 3 mức như bảng 1. Ở mỗi khu vực, lựa chọn xã có số hộ tham gia trồng rừng keo cao nhất để tiến hành nghiên cứu. Các xã được lựa chọn là: A Roàng, Lâm Đót và Hồng Thượng.

lâm của xã. Kết quả thảo luận nhóm đã xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định trồng rừng keo gỗ lớn là: Yếu tố về tự nhiên, yếu tố về con người, yếu tố về tài chính.

- Điều tra hộ gia đình: Phỏng vấn bán cấu trúc được áp dụng để thực hiện khảo sát hộ gia đình. Nội dung của bảng hỏi bao gồm: Yếu tố về con người (trình độ học vấn các hộ gia đình, hiểu biết của người dân về trồng rừng keo gỗ lớn), yếu tố về xã hội (các kênh cung cấp thông tin về trồng rừng keo gỗ lớn), yếu tố về tài chính (phân loại hộ gia đình, mức độ phụ thuộc vào rừng trồng của các hộ gia đình). Số lượng hộ điều tra dựa theo công thức chọn mẫu của Slovin (1960) [9]:

$$n = N / (1 + N.e^2).$$

Trong đó: N là tổng số hộ tham gia trồng rừng keo trên địa bàn xã; n là số lượng hộ điều tra; e là sai số điều tra (trong nghiên cứu này sai số được lấy là 15%).

Tổng số hộ điều tra là 139 hộ, trong đó: Xã A Roàng - 55 hộ, xã Hồng Thượng - 37 hộ và xã Lâm Đốt - 47 hộ.

2.2.2. Phương pháp xử lý, tổng hợp và phân tích số liệu

Thông qua thảo luận nhóm chọn ra các nhóm yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến việc ra quyết định trồng rừng keo gỗ lớn của các hộ gia đình tại huyện A Lưới. Bao gồm 3 nhóm chính:

Yếu tố về tự nhiên, yếu tố về con người và yếu tố về tài chính.

Đối với yếu tố về tự nhiên, dựa vào đặc điểm sinh thái của loài keo và kết quả thảo luận nhóm, nghiên cứu lựa chọn 3 tiêu chí ảnh hưởng đến phát triển rừng trồng keo gỗ lớn là: Diện tích, độ dốc và khoảng cách tiếp cận. Cũng thông qua thảo luận nhóm, nhóm lựa chọn 3 mức độ phù hợp (rất phù hợp, phù hợp và ít phù hợp) với từng tiêu chí thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Phân cấp mức độ phù hợp của các yếu tố về tự nhiên

STT	Tiêu chí	Mức độ phù hợp phát triển rừng trồng keo gỗ lớn		
		Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp
1	Diện tích (ha)	> 3	1 - 3	< 1
2	Độ dốc (°)	< 16	16 - 25	> 25
3	Khoảng cách tiếp cận (km)	< 1	1 - 2	> 2

Nguồn: Kết quả thảo luận tại huyện A Lưới, năm 2022.

Để xác định vùng tiềm năng thích hợp với điều kiện tự nhiên để phát triển rừng trồng keo gỗ lớn (diện tích, độ dốc, khoảng cách tiếp cận lô rừng), sử dụng phần mềm Arcview 3.2a và 3D Anaylst, Spatic Analyst để phân tích, chồng lớp bản đồ hiện trạng rừng với các lớp bản đồ độ dốc, giao thông và thống kê số liệu diện tích. Trong đó, bản đồ hiện trạng rừng keo quy mô hộ gia đình huyện A Lưới được truy xuất từ bản đồ kết quả diễn biến rừng năm 2021 của huyện A Lưới, bản đồ độ dốc được tạo ra từ bản đồ VN2000 thông qua mô hình độ cao kỹ thuật số (DEM: Digital elevation model), mô hình được xây dựng trên Module TIN và GRID.

Đối với yếu tố về con người và yếu tố về tài chính dựa vào kết quả phỏng vấn hộ gia đình để tiến hành phân tích.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tiềm năng về tự nhiên để phát triển rừng trồng keo gỗ lớn quy mô hộ gia đình

Kết quả chồng lớp bản đồ hiện trạng rừng với các lớp bản đồ độ dốc, giao thông đã thể hiện diện tích rừng trồng tiềm năng của 3 xã A Roàng, Hồng Thượng, Lâm Đốt - huyện A Lưới, kết quả thể hiện thông qua các bảng 3, 4, 5.

3.1.1. Mức độ phù hợp của diện tích các lô rừng

Đất trồng rừng của hộ gia đình có diện tích nhỏ sẽ gặp khó khăn nếu phát triển vùng nguyên liệu cung cấp gỗ lớn [10]. Diện tích nhỏ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng rừng keo gỗ lớn của các hộ gia đình. Các hộ cho rằng, để phát triển rừng trồng gỗ lớn thì diện tích các lô rừng phải đủ lớn (từ 1 ha trở lên). Thực tế tại huyện A Lưới thương lái chỉ mua cây đứng tại rừng tập trung theo vùng nhằm tiết kiệm công khai thác và chi phí vận chuyển. Bởi vậy, những hộ có diện tích nhỏ lẻ khi có nhu cầu muốn bán thì không có ai mua hoặc chỉ bán được với giá thấp so với thị trường.

Bảng 3. Rừng trồng keo quy mô hộ gia đình phân theo cấp diện tích

TT	Xã	Tổng diện tích	Cấp diện tích					
			> 3 ha		1 - 3 ha		< 1 ha	
			Rất phù hợp		Phù hợp		Ít phù hợp	
			ha	%	ha	%	ha	%
Tổng		2.007,40	503,00	25,06	700,91	34,92	803,49	40,03
1	A Roàng	708,79	51,21	7,22	293,14	41,36	364,44	51,42
2	Hồng Thượng	579,66	325,95	56,23	193,52	33,39	60,19	10,38
3	Lâm Đót	718,95	125,84	17,50	214,25	29,80	387,86	52,70

Nguồn: Thống kê từ bản đồ rừng trồng keo quy mô hộ gia đình phân theo cấp diện tích, năm 2022

Bảng 3 cho thấy, Hồng Thượng là xã có diện tích đất rất phù hợp và phù hợp để phát triển mô hình trồng rừng keo gỗ lớn, cao nhất là 519,47 ha, chiếm 89,62%, trong khi diện tích đất rất phù hợp và phù hợp ở xã A Roàng là 344,35 ha, chiếm 48,58% và xã Lâm Đót là 340,09 ha, chiếm 47,30%. Xã A Roàng và xã Lâm Đót có diện tích các lô rừng <1 ha (ít phù hợp) chiếm diện tích hơn 50% diện tích của xã.

3.1.2. Mức độ phù hợp theo phân cấp độ dốc

Độ dốc là 1 trong những yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến năng suất rừng trồng [11]. Bên cạnh đó, độ dốc cao sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận đối với hoạt động trồng rừng và khai thác vận chuyển nên sẽ làm giảm giá thành của cây đứng tại rừng khi bán ra.

Bảng 4. Rừng trồng keo quy mô hộ gia đình phân theo cấp độ dốc

TT	Xã	Tổng	Phân theo cấp độ dốc					
			< 16 độ		16-25 độ		> 25 độ	
			Rất phù hợp		Phù hợp		Ít phù hợp	
			ha	%	ha	%	ha	%
	Tổng	2.007,40	1.777,71	88,56	219,59	10,94	10,10	0,50
1	Xã A Roàng	708,79	596,77	84,20	109,36	15,43	2,66	0,38
2	Xã Hồng Thượng	579,66	540,02	93,16	36,41	6,28	3,23	0,56
3	Xã Lâm Đót	718,95	640,92	89,15	73,82	10,27	4,21	0,59

Nguồn: Thống kê từ bản đồ rừng trồng keo quy mô hộ gia đình phân theo cấp độ dốc, năm 2022

Bảng 4 cho thấy, diện tích rừng trồng keo phân bố ở độ dốc trên 25 độ là rất ít (chưa đến 1%). Phần lớn diện tích rừng trồng keo quy mô hộ gia đình ở huyện A Lưới theo nhân tố độ dốc là phù hợp với phát triển rừng trồng keo gỗ lớn.

3.1.3. Mức độ phù hợp phân theo cấp khoảng cách

Khoảng cách tiếp cận lô rừng ảnh hưởng nhiều đến hoạt động trồng rừng và khai thác, vận chuyển. Hộ gia đình gặp khó khăn trong việc chủ động thời gian khai thác và bị thương lái ép giá khi vị trí rừng trồng của họ khá xa và khó tiếp cận. Những hộ có vị trí rừng trồng xa và khó tiếp cận thường bị phụ thuộc vào thời gian khai thác của các hộ trồng rừng lân cận và phụ thuộc vào đường vận chuyển của các hộ gia đình khác.

Bảng 5. Rừng trồng hộ gia đình phân theo cấp khoảng cách

TT	Xã	Tổng	Phân theo khoảng cách tiếp cận					
			Rất phù hợp		Phù hợp		Ít phù hợp	
			< 1 km		1 - 2 km		> 2 km	
			ha	%	ha	%	ha	%
	Tổng	2.007,40	1.077,39	53,67	517,39	25,77	412,62	20,55
1	Xã A Roàng	708,79	317,74	44,83	267,91	37,80	123,14	17,37
2	Xã Hồng Thượng	579,66	115,06	19,85	175,12	30,21	289,48	49,94
3	Xã Lâm Đót	718,95	644,59	89,66	74,36	10,34	0	0,00

Nguồn: Thống kê từ bản đồ rừng trồng keo quy mô hộ gia đình phân theo cấp khoảng cách, năm 2022.

Bảng 5 cho thấy, 100% diện tích rừng trồng keo quy mô hộ gia đình xã Lâm Đót có khoảng cách từ các lô rừng đến đường giao thông dưới 2 km, phù hợp với phát triển trồng rừng keo gỗ lớn. Diện tích các lô rừng có khoảng cách tiếp cận là ít phù hợp (trên 2 km) ở xã Hồng Thượng là 289,48 ha, chiếm 49,94%, ở xã A Roàng 123,14 ha, chiếm 17,37%. Nghiên cứu của Lê Chí Hùng Cường và cs (2020) ở huyện Nam Đông cho thấy, rừng trồng xa khu dân cư, giao thông không thuận lợi làm ảnh hưởng đến giá cả của cây đứng tại rừng [12].

Nhìn chung, tại huyện A Lưới các tiêu chí về độ dốc và khoảng cách tiếp cận giữa lô rừng khá phù hợp để phát triển rừng trồng gỗ lớn tại địa bàn. Tuy nhiên, diện tích các lô rừng tại huyện A Lưới dao động từ 1 - 3 ha và dưới 1 ha chiếm phần lớn. Đây cũng là một trở ngại lớn để phát triển vùng nguyên liệu trồng rừng keo gỗ lớn tại A Lưới.

3.2. Yếu tố về con người để phát triển rừng trồng gỗ keo lớn quy mô hộ gia đình

3.2.1. Trình độ học vấn của các hộ gia đình trồng rừng keo

Bảng 6. Trình độ học vấn chủ hộ của các hộ gia đình trồng rừng keo

(Đơn vị: %)

TT	Trình độ học vấn	A Roàng	Hồng Thượng	Lâm Đót
1	Không đến trường	25,45	16,22	19,14
2	Tiểu học	21,82	10,81	21,28
3	Trung học cơ sở	20,00	21,62	27,66
4	Trung học phổ thông	30,91	32,43	27,66
5	Cao đẳng, đại học	1,82	18,92	4,26

Nguồn: Kết quả phỏng vấn hộ trồng rừng keo tại huyện A Lưới, năm 2022

Bảng 6 cho thấy, trình độ học vấn của các chủ hộ còn khá thấp. Trình độ từ không đến trường đến cấp tiểu học vẫn còn cao, xã A Roàng là 47,27%, xã Lâm Đót là 40,42% và xã Hồng Thượng là 27,03%. Điều này ảnh hưởng đến việc ra quyết định trong việc chuyển đổi mô hình kinh doanh

trồng rừng keo gỗ nhỏ sang gỗ lớn, vì trình độ học vấn hạn chế sẽ cản trở các hộ gia đình trong việc tiếp cận và hiểu các thông tin hữu ích có liên quan đến lợi ích của việc trồng rừng keo gỗ lớn một cách đầy đủ và chính xác so với hộ gia đình có trình độ học vấn cao, phần lớn hộ gia đình có học

vấn thấp vẫn còn e ngại và sợ rủi ro, họ vẫn muốn đi theo lối mòn để đảm bảo an toàn hơn cho cuộc sống của gia đình.

3.2.2. Hiểu biết của người dân về rừng trồng keo gỗ lớn

Bảng 7. Hiểu biết của người dân về rừng trồng keo gỗ lớn

(Đơn vị: %)

TT	Hiểu biết	Nội dung	Xã	Không đồng ý	Đồng ý	Rất đồng ý
1	Kỹ thuật trồng rừng keo gỗ lớn	Áp dụng kỹ thuật trồng rừng keo gỗ nhỏ vào gỗ lớn	A Roàng	1,85	24,07	74,08
			Hồng Thượng	37,84	29,73	32,43
			Lâm Đốt	14,89	31,92	53,19
2		Hiểu rõ kỹ thuật tỉa thưa trong trồng rừng keo gỗ lớn	A Roàng	57,41	31,48	11,11
			Hồng Thượng	51,35	32,43	16,22
			Lâm Đốt	44,68	34,04	21,28
3	Lợi ích trồng rừng keo gỗ lớn	Trồng rừng keo gỗ lớn giảm chi phí đầu vào	A Roàng	25,45	50,91	23,64
			Hồng Thượng	18,92	45,95	35,13
			Lâm Đốt	21,28	51,06	27,66
4		Trồng rừng keo gỗ lớn sẽ giảm xói mòn và có giá trị về mặt môi trường	A Roàng	12,96	27,78	59,26
			Hồng Thượng	2,70	40,54	56,76
			Lâm Đốt	10,64	25,53	63,83
5		Trồng rừng keo gỗ lớn sẽ tăng lợi nhuận kinh tế	A Roàng	0,00	27,78	72,22
			Hồng Thượng	0,00	18,92	81,08
			Lâm Đốt	0,00	19,15	80,85
6	Hiểu biết về thị trường	Các công ty gỗ cần thu mua nguyên liệu keo gỗ lớn từ các hộ gia đình	A Roàng	46,30	24,07	29,63
			Hồng Thượng	48,65	24,32	27,03
			Lâm Đốt	55,32	23,40	21,28
7		Biết rõ nơi thu mua gỗ lớn	A Roàng	75,93	14,81	9,26
			Hồng Thượng	45,95	32,43	21,62
			Lâm Đốt	48,94	38,30	12,76

Nguồn: Kết quả phỏng vấn hộ trồng rừng keo tại huyện A Lưới, năm 2022.

Bảng 7 cho thấy, có 37,84% hộ dân xã Hồng Thượng cho rằng không nên áp dụng kỹ thuật trồng rừng keo gỗ nhỏ vào rừng keo gỗ lớn. Tuy nhiên, từ kết quả bảng 6 cho thấy, phần lớn các hộ dân được phỏng vấn rất đồng ý trong việc áp dụng kỹ thuật trồng rừng keo gỗ nhỏ vào rừng trồng

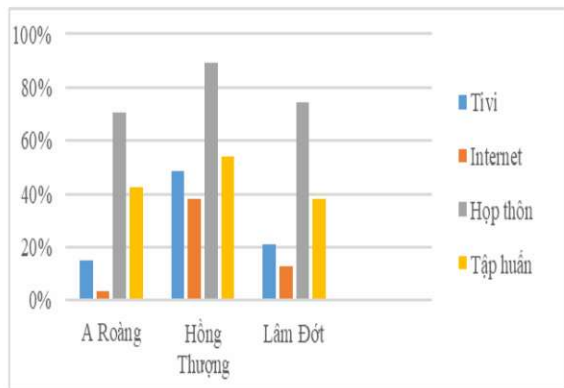
keo gỗ lớn. Người dân cho biết họ thường trồng mật độ dày từ 3.000 đến 4.000 cây/ha và không tỉa thưa. Trong khi để đạt sản lượng gỗ cao với rừng trồng keo gỗ lớn thì chỉ trồng mật độ 1.100 cây/ha hoặc 1.665 cây/ha [13] và cần tỉa thưa từ 1 - 3 lần... [14].

Việc áp dụng đúng kỹ thuật tỉa thưa trong hoạt động trồng rừng keo gỗ lớn sẽ giúp cho rừng trồng đạt năng suất cao nhất. Tuy nhiên, trên 40% các hộ gia đình được phỏng vấn không hiểu rõ kỹ thuật tỉa thưa trong trồng rừng keo gỗ lớn. Phần lớn các hộ gia đình đều hiểu rõ lợi ích của hoạt động trồng rừng keo gỗ lớn. Sự am hiểu thị trường gỗ lớn là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến quyết định trồng rừng keo gỗ lớn của chủ rừng [15].

Đối với hiểu biết về thị trường, có gần 50% số hộ gia đình không rõ nhu cầu thu mua gỗ lớn từ các hộ gia đình hiện nay như thế nào. Và trên 45% người dân chưa biết rõ nơi thu mua gỗ lớn. Điều này cho thấy, nhiều hộ gia đình còn thiếu thông tin, chưa hiểu rõ về nhu cầu của thị trường, giá cả và nơi thu mua gỗ lớn hiện nay.

Nhìn chung, khả năng tiếp cận thông tin mới về những chính sách, kỹ thuật, thị trường keo gỗ lớn vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, người dân cũng chưa nắm rõ kỹ thuật trồng rừng keo gỗ lớn và cũng không nắm bắt về nhu cầu thị trường hiện nay.

3.2.3. Kênh cung cấp thông tin về trồng rừng keo gỗ lớn



Hình 1. Biểu đồ kênh cung cấp thông tin trồng rừng keo gỗ lớn

Hình 1 cho thấy, phần lớn người dân (xã A Roàng 70,37%, xã Hồng Thượng 89,19%, Lâm Đót 74,47%) nhận được thông tin từ hợp thôn. Tuy nhiên, người dân cho biết những thông tin ở

những buổi họp thôn chỉ là những thông tin cơ bản về trồng rừng keo gỗ lớn và đăng ký tham gia trồng rừng keo gỗ lớn hay không. Kênh thông tin từ tập huấn cung cấp nhiều thông tin trực tiếp đến người dân hơn các kênh thông tin khác, tuy nhiên như phân tích nhận thức của người dân ở bảng 7 về trồng rừng keo gỗ lớn thì hiện các buổi tập huấn của người dân được phỏng vấn chưa được tập trung vào các kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn. Ngoài ra, còn có 2 kênh cung cấp thông tin khác là tivi và internet, dù không nhiều người dân nhận được thông tin từ 2 kênh này, nhưng những hộ gia đình này cho rằng khi xem được xem qua Tivi và chủ động tìm hiểu từ internet thì họ hiểu rõ hơn về lợi ích của việc trồng rừng keo gỗ lớn và có động lực chuyển đổi rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn.

3.3. Yếu tố về tài chính để phát triển rừng trồng keo gỗ lớn quy mô hộ gia đình

3.3.1. Phân loại hộ gia đình

Bảng 8. Phân loại hộ gia đình

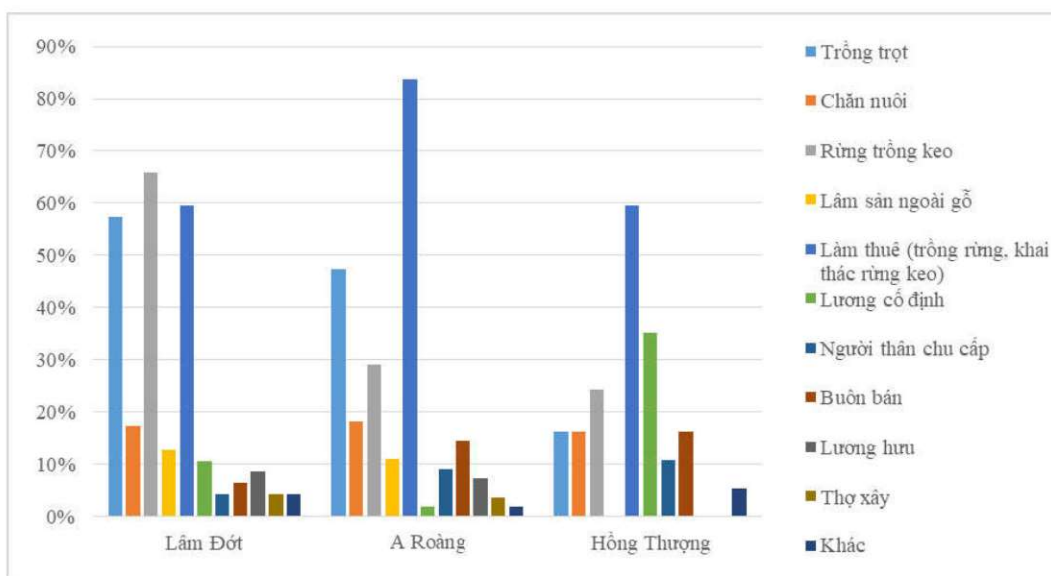
(Đơn vị tính: %)

TT	Loại hộ	A Roàng	Hồng Thượng	Lâm Đót
1	Nghèo	61,82	35,14	46,81
2	Cận nghèo	23,64	29,73	17,02
3	Trung bình	14,54	24,32	34,04
4	Khá	0,00	10,81	2,13

Nguồn: Kết quả phỏng vấn hộ trồng rừng keo tại A Lưới, năm 2022.

Bảng 8 cho thấy, số hộ nghèo và cận nghèo của các xã được phỏng vấn là trên 50%. Trong đó xã A Roàng có số hộ nghèo cao nhất là 61,82% và cận nghèo là 23,64%. Nhìn chung thu nhập của các hộ gia đình còn thấp. Đời sống của hộ gia đình còn khá thấp cùng với tâm lý sợ rủi ro nếu kéo dài chu kỳ trồng rừng keo là yếu tố gây cản trở quyết định chuyển đổi trồng rừng keo gỗ nhỏ sang trồng rừng keo gỗ lớn của các hộ gia đình [12].

3.3.2. Mức độ phụ thuộc vào rừng trồng của các hộ gia đình



Hình 2. Biểu đồ nguồn thu nhập chính của các hộ gia đình

Hình 2 cho thấy, phần lớn nguồn thu nhập chính của các hộ đều từ rừng trồng keo và làm thuê (trồng rừng, khai thác rừng keo). Ở xã Lâm Đốt người dân có 3 nguồn thu nhập chính là từ rừng trồng keo (66%), làm thuê (trồng rừng, khai thác rừng keo) (59,6%) và trồng trọt (57,4%). Ở xã A Roàng người dân cũng có 3 nguồn thu nhập chính từ làm thuê (trồng rừng, khai thác rừng keo) (83,6%), trồng trọt (47,3%) và từ rừng trồng keo (29,1%). Ở xã Hồng Thượng thì có 3 nguồn thu nhập chính từ làm thuê (trồng rừng, khai thác rừng keo) (59,5%), lương cố định (35,1%) và rừng trồng keo (24,3%). Từ số liệu trên cho thấy, người dân phụ thuộc vào rừng trồng khá cao, vì ngoài việc trồng rừng cho chính các hộ thì người dân còn làm thuê cho các hộ trồng rừng khác như: Trồng, tĩa thưa, khai thác, bóc vỏ keo... Tuy nhiên, hình 2 cũng cho thấy, chưa có sự đa dạng sinh kế của các hộ trồng rừng. Đây cũng là trở ngại đối với quyết định trồng rừng keo gỗ lớn vì sợ rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập chính của người dân. Ở phần thu nhập khác, dù ít nhưng vẫn có một số hộ được phỏng vấn có nguồn thu nhập chính từ nghề truyền thống là dệt zèng và đan lát các sản phẩm từ mây tre.

3.4. Các giải pháp phát triển rừng trồng keo gỗ lớn quy mô hộ gia đình

Để phát triển trồng rừng keo gỗ lớn, chính quyền địa phương cần phối kết hợp các cơ quan ban, ngành tiến hành điều tra, quy hoạch lại những vùng có tiềm năng phát triển tốt trồng rừng keo gỗ lớn dựa vào điều kiện tự nhiên. Nên lựa chọn những lô rừng có diện tích từ 1 ha trở lên, độ dốc dưới 25° và khoảng cách tiếp cận với lô rừng dưới 3 km để thuận tiện cho việc khai thác và vận chuyển. Cần tăng cường hoạt động khuyến lâm giúp các hộ gia đình hiểu rõ lợi ích khi chuyển đổi trồng rừng keo gỗ lớn cũng như hướng dẫn thay đổi kỹ thuật trồng rừng keo gỗ lớn để đạt năng suất cao nhất. Cần tổ chức cho các hộ dân tham quan, học tập các mô hình trồng rừng keo gỗ lớn đạt chất lượng trên địa bàn. Chính quyền địa phương cùng các cơ quan ban ngành cần có phương án hỗ trợ tìm nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án và hỗ trợ cho các hộ gia đình nguồn vốn vay với lãi suất ưu đãi để người dân yên tâm về nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh đó cần đa dạng hóa các hoạt động sinh kế, phát triển nghề truyền thống của các đồng bào dân tộc chính của huyện A Lưới là dân tộc Tà Ôi, Pa Cô và Kơ Tu.

Các nghề truyền thống của các đồng bào dân tộc huyện A Lưới chủ yếu là dệt zèng, đan lát với các sản phẩm là gùi, mâm, nia, nong và rổ từ mây, tre. Việc phát triển các nghề truyền thống tại địa phương sẽ giúp các hộ gia đình có thêm thu nhập ngắn ngày góp phần ổn định sinh kế giúp người dân yên tâm trồng rừng keo gỗ lớn với chu kỳ dài ngày... Đặc biệt, các cơ quan chuyên môn cần xây dựng hệ thống liên kết chuỗi giữa các doanh nghiệp chế biến gỗ và hộ gia đình để người dân hiểu rõ và yên tâm về đầu ra sản phẩm gỗ lớn.

4. KẾT LUẬN

Huyện A Lưới có tiềm năng về điều kiện tự nhiên cho việc phát triển rừng keo gỗ lớn. Phần lớn các lô rừng keo ở các xã nghiên cứu có độ dốc dưới 16° (mức rất phù hợp – chiếm 88,56%), khoảng cách giữa các lô rừng với đường giao thông nhỏ hơn 1 km (mức rất phù hợp – chiếm 53,67%) và diện tích các lô rừng từ lớn hơn 1 ha (mức phù hợp và rất phù hợp – chiếm 59,98%). Tuy nhiên, tại đây vẫn còn tỷ lệ khá lớn các lô rừng keo có quy mô nhỏ dưới 1 ha (ít phù hợp - chiếm 40,03%). Diện tích lô rừng nhỏ lẻ là một trở ngại cho việc chuyển đổi rừng từ trồng keo gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn.

Đối với yếu tố về con người, kết quả nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn của chủ rừng còn thấp và hiểu biết của chủ rừng về trồng rừng keo gỗ lớn còn hạn chế. Ngoài ra, dù đã có nhiều kênh truyền thông về trồng rừng keo gỗ lớn nhưng người dân vẫn chưa thực sự tiếp cận để hiểu rõ về hoạt động này.

Về yếu tố về tài chính, kinh tế của hộ gia đình trồng rừng còn thấp và phụ thuộc nhiều vào hoạt động trồng rừng mà chưa có sự đa dạng các hoạt động sinh kế. Từ kết quả nghiên cứu đã đề xuất được một số giải pháp phát triển rừng trồng gỗ lớn quy mô hộ gia đình trên địa bàn huyện A Lưới.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi các khoản tài trợ (#169430, #194004) từ Chương trình Nghiên

cứu của Thụy Sĩ về các vấn đề toàn cầu cho phát triển (Chương trình R4D), đồng tài trợ bởi Quỹ Khoa học Quốc gia Thụy Sĩ (SNF) và Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy sĩ (SDC). Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2022). *Quyết định 2860/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/7/2022 về công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2021*.
2. Chính phủ (2021). *Quyết định số 523/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
3. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2012). *Quyết định số 2728/QĐ-BNN-CB ngày 31/10/2012 phê duyệt "Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030"*.
4. Tổng cục Lâm nghiệp (2022). *Cần phải có cách nhìn đúng về giá trị cây keo*. Truy cập ngày 6/4/2022 tại <https://tongcuclamngiep.gov.vn/LamNghiep/Index/can-phai-co-cach-nhin-dung-ve-gia-tri-cay-keo-4539>
5. Tổng cục Lâm nghiệp (2020). *Báo cáo kết quả triển khai kế hoạch hành động: Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất giai đoạn 2014-2020*.
6. Hien, V. T. H., Hai, L. D. & Van, L.T. (2019). Small-sized timber or large-sized timber plantation: a case study in Vinh Linh district, Quang Tri province. *Journal of forestry science and technology*. Vol. 7. 164-172.
7. Chi cục Thống kê huyện A Lưới (2022). *Niên giám thống kê 2021*.
8. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2020). *Kế hoạch số 213/KH-UBND phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn các loài keo giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*.
9. Slovin E. (1960). *Slovin's formula for sampling technique*. Retrieved from <https://sciencing.com/slovin-formula-sampling-techniques-5475547.html> on January 10, 2022.

10. Trần Thị Thúy Hằng, Hoàng Huy Tuấn, Phạm Thị Phương Thảo, Nguyễn Duy Phong (2018). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến trồng rừng keo lai cung cấp gỗ lớn quy mô hộ gia đình tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, tập 1 (12), tr. 97 - 104.
11. Ngô Đình Quế, Đinh Thanh Giang, Nguyễn Văn Thắng, Vũ Văn Hương (2009). Phân hạng đất trồng rừng sản xuất một số loài cây chủ yếu ở vùng Tây Nguyên và Đông Nam bộ. Đề tài cấp bộ, Trung tâm Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.
12. Lê Chí Hùng Cường, Lê Thị Hoa Sen, Trần Thị Quỳnh Tiến, Nguyễn Duy Ngọc Tân, Trần Thị Phương Nhi (2020). Nhận diện các trở ngại trong phát triển rừng trồng gỗ lớn của nông hộ trên địa bàn huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế*, tập 4 (3), tr. 2160 - 2169.
13. Đặng Thái Dương, Võ Đại Hải (2012). *Giáo trình trồng rừng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
14. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2018). *Thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về các biện pháp lâm sinh*.
15. Võ Thị Hải Hiền (2020). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định trồng rừng gỗ lớn tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 225 (7). 137 - 144.

**FACTORS AFFECTING THE DEVELOPMENT OF BIG - SIZE TIMBER ACACIA
PLANTATIONS OWNERS BY HOUSEHOLD SCALE IN A LUOI DISTRICT, THUA THIEN -
HUE PROVINCE**

Vu Thi Thuy Trang, Nguyen Duy Phong, Hoang Phuoc Thoi,

Le Thi Thu Ha, Le Thi Phuong Thao, Tran Nam Thang

Summary

Shifting from short-term small timber production forests to developing big-size timber Acacia forests is the tendency of many localities, including A Luoi district, Thua Thien - Hue province. Nevertheless, this transformation is often influenced by many factors. The study has identified three main groups of factors affecting the development of big - size timber Acacia plantations, including (1) Natural (area, slope, approach distance); (2) People (education level, afforestation techniques, afforestation benefits, market knowledge, sources of information for the local inhabitants) and (3) Financial (household income, main types of household income). Based on the analysis of the above factors, the study proposes a number of key solutions to support the development of big - size timber Acacia plantations, including planning a big - size timber Acacia plantation area suitable to natural conditions, guiding the households to change their techniques from small - size timber afforestation to big-size timber afforestation, assisting in finding capital for production, supporting the development of high - quality seed sources, strengthening forestry extension activities, and supporting the market.

Keywords: *Production forest, Big - size timber plantations, Forest transformation, A Luoi.*

Người phản biện: TS. Trần Thị Mai Sen

Ngày nhận bài: 13/3/2023

Ngày thông qua phản biện: 10/4/2023

Ngày duyệt đăng: 14/4/2023